

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Số 1 Lương Định Của -Phương Mai -Đống Đa-Hà Nội



ISO 9001: 2008

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Hà Nội T10- 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
A – Tài sản ngắn hạn	100		681,079,372,311	824,451,227,708
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		79,383,837,100	68,677,496,884
1. Tiền	111	V.1	36,361,224,768	61,477,496,884
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2b	43,022,612,332	7,200,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,040,409,100	2,439,993,900
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1,355,750,000	3,944,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.2a	(315,340,900)	(1,504,006,100)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		204,773,708,663	322,675,824,354
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	153,251,189,416	280,417,301,904
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19,884,378,402	15,443,261,834
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		200,000,000	200,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	37,058,122,282	31,271,791,017
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(5,669,582,540)	(4,700,561,527)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		49,601,103	44,031,126
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	381,970,292,646	421,582,083,846
1. Hàng tồn kho	141		386,309,051,475	436,293,689,579
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(4,338,758,829)	(14,711,605,733)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13,911,124,802	9,075,828,724
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	10,498,165,180	5,266,777,645
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,258,762,395	3,540,968,136
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		149,863,709	268,082,943
4. Tài sản, ngắn hạn khác	155		4,333,518	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		696,916,308,413	733,237,865,999
II. Tài sản cố định	220		440,743,416,791	459,469,789,619
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	225,080,329,419	243,947,201,429
- Nguyên giá	222		370,259,848,807	368,902,286,257
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(145,179,519,388)	(124,955,084,828)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	215,663,087,372	215,522,588,190
- Nguyên giá	228		228,089,541,187	227,714,541,187
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(12,426,453,815)	(12,191,952,997)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		15,044,232,636	14,258,332,636
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		15,044,232,636	14,258,332,636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		13,333,640,000	13,333,640,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	-	
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	13,333,640,000	13,333,640,000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	
V. Tài sản dài hạn khác	260		227,795,018,986	246,176,103,744
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		14,794,507,109	12,339,663,924
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2,432,382,871	3,676,249,636
3. Lợi thế thương mại	269		210,568,129,006	230,160,190,184
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,377,995,680,724	1,557,689,093,707

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

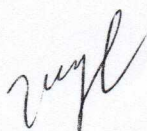
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		322,688,882,923	555,038,275,228
I. Nợ ngắn hạn	310		270,027,396,200	461,746,815,948
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	66,854,392,287	110,387,430,055
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,829,243,366	33,006,609,796
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	9,072,336,379	6,990,818,770
4. Phải trả người lao động	314		20,931,546,539	39,746,623,994
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	8,846,917,358	5,857,656,472
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		71,493,000	69,739,000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	27,766,753,371	19,953,032,874
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	112,327,479,336	217,236,158,460
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20,327,234,564	28,498,746,527
II. Nợ dài hạn	330		52,661,486,723	93,291,459,280
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	1,127,092,333	1,296,541,095
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		17,240,290,700	57,888,237,200
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		34,294,103,690	34,106,680,985
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		1,055,306,797,801	1,002,650,818,479
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,055,306,797,801	1,002,650,818,479
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	152,950,000,000	152,950,000,000
- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết	411a		152,950,000,000	152,950,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	331,245,527,850	331,245,527,850
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(40,000,000)	(20,000,000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	278,908,462,953	197,714,342,649
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	96,006,554,779	123,365,732,124
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(11,094,444,863)	(2,655,850,566)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		107,100,999,642	126,021,582,690
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		196,236,252,219	197,395,215,856
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,377,995,680,724	1,557,689,093,707

Lập ngày 19 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Tý

Trần Kim Liên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	240,451,061,202	200,406,348,993	984,697,420,049	908,949,613,808
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		25,211,883,367	27,117,309,230	89,717,352,085	86,884,277,852
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	215,239,177,835	173,289,039,763	894,980,067,964	822,065,335,956
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.4	132,358,108,846	99,141,038,510	581,852,733,138	524,512,736,962
5 Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82,881,068,989	74,148,001,253	313,127,334,826	297,552,598,994
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3,099,551,575	1,719,816,887	6,195,659,813	3,763,451,671
7 Chi phí tài chính	22		2,541,452,418	2,134,099,850	13,958,003,589	25,473,910,960
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2,448,258,416	3,294,516,881	10,089,264,840	5,442,834,571
Lãi lo công ty liên doanh liên kết	24		0	0	0	4,049,884,036
8 Chi phí bán hàng	25		18,595,471,664	11,354,289,015	78,132,013,422	72,272,057,443
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		23,494,950,102	26,740,081,313	94,477,680,356	85,238,976,122
10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41,348,746,380	35,639,347,963	132,755,297,273	122,380,990,177
11 Thu nhập khác	31	VI.6	403,020,607	4,879,423,795	1,754,821,911	9,747,835,940
12 Chi phí khác	32		265,073,469	11,206,161	374,128,947	271,069,721
13 Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		137,947,138	4,868,217,634	1,380,692,964	9,476,766,219
15 Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	50		41,486,693,518	40,507,565,597	134,135,990,237	131,857,756,396
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	6,850,024,569	5,439,801,132	13,022,410,804	17,512,490,800
17 (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		(393,928,239)	(101,051,437)	1,431,289,470	(1,259,795,493)
18 Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	60		35,030,597,188	35,168,815,902	119,682,289,963	115,605,061,089
<i>Lợi ích của công ty mẹ</i>	61		31,483,081,452	31,172,009,622	107,082,433,550	99,381,786,690
<i>Lãi thuộc về các cổ đông không kiểm soát</i>	62		3,547,515,736	3,996,806,280	12,599,856,413	16,223,274,399
19 Lãi trên cổ phiếu [đối với công ty cổ phần] [1]	70		2,060	2,314	7,005	6,498
- Lãi cơ bản			2,060	2,314	7,005	6,498
- Lãi suy giảm						

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

Lập ngày 19 tháng 10 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 30/09/2016

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	943,930,704,990	584,699,972,964
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(518,121,937,770)	(433,037,683,417)
Tiền chi trả cho người lao động	3	(102,102,178,268)	(54,185,868,752)
Tiền lãi vay đã trả	4	(9,948,786,353)	(4,090,443,559)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(10,289,568,283)	(2,635,716,530)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	46,771,072,205	35,547,811,574
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(135,708,246,301)	(74,990,131,223)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	214,531,060,220	51,307,941,057
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(19,692,680,179)	(56,129,221,563)
Tiền thu hồi từ thanh lý TSCĐ	22		205,990,909
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(170,360,575,198)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23,004,765,863	7,613,784,755
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	30	3,312,085,684	(218,670,021,097)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		
Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(20,000,000)	
Tiền thu từ đi vay	33	186,510,276,188	268,491,834,759
Tiền trả nợ gốc vay	34	(332,066,901,812)	(87,748,476,900)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(61,553,728,650)	(22,942,500,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(207,130,354,274)	157,800,857,859
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	10,712,791,630	(9,561,222,181)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	68,677,496,884	99,023,212,818
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(6,451,414)	10,846,035
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	79,383,837,100	89,472,836,672

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

Lập ngày 19 tháng 10 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004.

Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009, thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010, thay đổi lần 8 ngày 23/09/2011, thay đổi lần 9 ngày 21/01/2013, thay đổi lần 10 ngày 30/06/2014 và thay đổi lần 11 ngày 04/11/2014.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính : Nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Ngày 04/11/2014, công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 11, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
- Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- Bán buôn gạo.
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ.
- Bán buôn thực phẩm.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Chế biến và bảo quản rau.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn chuyên doanh khác.
- Trồng cây cà phê, cây điều, cây chè.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- Sản xuất thực phẩm khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường : 6 tháng**
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.**
6. **Cấu trúc doanh nghiệp**
 - **Danh sách các công ty con được hợp nhất gồm 3 công ty**
 - **Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây**
Địa chỉ : số 2 Ba La, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Tp Hà Nội.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 53,8%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 53,8%
 - **Công ty Giống cây trồng Trung Ương Quảng Nam**
Địa chỉ : Quốc Lộ 1A, Xã Điện Thắng Bắc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 90,02%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 90,02%
 - **Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.**
Địa chỉ : số 282 Lê Văn Sỹ, P01, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ phần sở hữu : 61,49%
Tỷ lệ quyền biểu quyết : 61,49%
 - **Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:**
 - Chi nhánh Miền Trung
 - Chi nhánh Thái Bình
 - Chi nhánh Thanh Hóa
 - Chi nhánh Hà Nam
 - Xí nghiệp Ba Vì
 - Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại Ba Vì
 - Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại Khoái Châu
 - Nhà máy chế biến Thường Tín
 - Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.

Đến ngày 30/09/2016 tổng số cán bộ nhân viên Công ty và Công ty con là 807 người.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch .
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

2. Báo cáo tài chính Hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam : Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam.
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : USD, CNY, LAK.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền : theo lãi suất ngân hàng nhà nước.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

a. Chứng khoán kinh doanh

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Các khoản đầu tư đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- + Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được Công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

đ. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

➤ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

➤ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

➤ Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
Tài sản cố định hữu hình	
Máy móc, trang thiết bị	5 – 7
Thiết bị văn phòng	5 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	6 - 10
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
Tài sản cố định vô hình	
Bản quyền, bằng sáng chế	5
Phần mềm máy tính	5
Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 - 49

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiểm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

- Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.
- Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.
- Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

- Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.

- Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

19. Nguyên tắc giá vốn hàng bán

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN đối với kết quả sản xuất kinh doanh hình thành từ sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với điều kiện doanh thu của sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm thứ nhất đạt 30%, năm thứ 2 đạt 50%, từ năm thứ trở đi đạt 70% tổng doanh thu.

Năm 2016 là năm thứ 6 Công ty đáp ứng được điều kiện trên nên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 Công ty phải nộp là 5%.

Các khoản thu nhập khác Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm theo quy định hiện hành là 20% (thay đổi từ ngày 01/01/2016).

➤ **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%, 10%

➤ **Các loại thuế, phí, lệ phí khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán Chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

24. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất.

➤ **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương và báo cáo tài chính của các Công ty con - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây; Công ty CP Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam và Công ty cổ phần Giống cây trồng

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Miền Nam được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày cuối kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

- Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua cổ phần giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của chi phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát của công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát : Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

- Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ: Các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ và các số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Khoản lãi vay và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.
- Trên Báo cáo tài chính hợp nhất lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

- Công ty liên kết là một công ty và Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	5,035,445,945	5,500,036,955
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31,325,778,823	55,977,459,929
Các khoản tương đương tiền	43,022,612,332	7,200,000,000
Cộng	79,383,837,100	68,677,496,884

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh.

	30/09/2016 (VND)			01/01/2016 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu						
	1,355,750,000	1,040,409,100	(315,340,900)	3,944,000,000	2,439,993,900	(1,504,006,100)
Công ty CP cảng rau quả (VGP)						
	1,355,750,000	1,040,409,100	(315,340,900)	3,944,000,000	2,439,993,900	(1,504,006,100)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ sở hữu (%)			
	30/09/2016		01/01/2016	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
1 Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	30,608	53.80%	30,608	53.80%
Công ty CP giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	450.100	90.02%	450.100	90.02%
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	9,219,130	61.49%	9,219,130	61.49%
2 Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần GCT Thái Bình	99,938	10.03%	99,938	10.03%

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

	30/09/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1 Đầu tư vào đơn vị khác Công ty CP Giống cây trồng Thái Bình	13,333,640,000			13,333,640,000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

3. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Tổng phải thu của khách hàng, trong đó các khách hàng dư nợ lớn:		280,417,301,904
- <i>Cục Trồng Trọt</i>	16,380,000,000	97,182,275,000
- <i>Phải thu các đối tượng khác</i>	136,871,189,416	183,235,026,904
Cộng	153,251,189,416	280,417,301,904
Dự phòng phải thu khó đòi	(5,669,582,540)	(4,700,561,527)

4. Trả trước cho người bán

	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Trả trước nhà thầu xây dựng, cung cấp máy móc		236,984,000
Trả trước cho nhà cung cấp khác	19,884,378,402	15,206,277,834
Cộng	19,884,378,402	15,443,261,834

5. Phải thu khác

	30/09/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược ký quỹ			2,857,552,000	
Tạm ứng đầu tư	12,715,380,000		12,715,380,000	
Tạm ứng cho CBCNV	1,346,772,100		7,527,611,459	
Phải thu ngắn hạn khác	23,332,180,182		8,171,247,558	
Cộng	37,058,122,282		31,271,791,017	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

6. Nợ xấu

	30/09/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn	5,669,582,540		4,700,561,527	
- Công ty Thương mại Dịch vụ Đăk Nông		-	654,711,000	
- Khách hàng khác	5,669,582,540		4,045,850,527	

7. Hàng tồn kho

	30/09/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường			1,172,195	
Nguyên liệu, vật liệu	154,527,100,274		36,161,512,204	
Công cụ, dụng cụ	1,802,067,996		1,778,766,386	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11,769,020,049		14,281,370,859	
Thành phẩm	196,972,743,291	(4,338,758,829)	323,479,478,147	(14,711,605,733)
Hàng hoá	21,238,119,865		60,590,564,549	
Hàng gửi bán			825,239	
Cộng	386,309,051,475	(4,338,758,829)	436,293,689,579	(14,711,605,733)

8. Tài sản dở dang dài hạn

	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang, trong đó:		
Dự án Cù Chi	11,103,862,672	11,103,862,672
Dự án xây dựng nhà Phương Mai	2,113,446,664	2,113,446,664
Dự án Sơn La	800,000,000	800,000,000
Công trình khác	1,026,923,300	241,023,300
Cộng	15,044,232,636	14,258,332,636

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	215,563,971,520	114,053,033,042	35,485,666,402	3,799,615,293	368,902,286,257
2. Tăng, giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
-Mua trong năm	-	172,410,000	446,318,747	705,173,800	1,323,902,547
-Đầu tư XDCB hoàn thành	743,699,250	-	-	-	743,699,250
-Tăng khác					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	(710,039,247)	-	(710,039,247)
3. Số cuối kỳ	216,307,670,770	114,225,443,042	35,221,945,902	4,504,789,093	370,259,848,807
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	62,434,197,434	40,507,194,202	20,230,453,953	1,783,239,239	124,955,084,828
2. Tăng, giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
-Khấu hao trong kỳ	9,280,415,183	8,606,199,068	1,755,304,936	582,546,388	20,224,465,575
-Thanh lý, nhượng bán					
-Giảm khác	(31,015)	-	-	-	(31,015)
3. Số cuối kỳ	71,714,581,602	49,113,393,270	21,985,758,889	2,365,785,627	145,179,519,388
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu kỳ	153,129,774,086	73,545,838,840	15,255,212,449	2,016,376,054	243,947,201,429
2. Tại ngày cuối kỳ	144,593,089,168	65,112,049,772	13,236,187,013	2,139,003,466	225,080,329,419

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng phát minh	Phần mềm máy tính	Tổng
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	214,517,302,363	1,435,638,824	11,761,600,000	227,714,541,187
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-
-Mua trong năm	-	-	375,000,000	375,000,000
-Thanh lý, nhượng bán				
-Giảm khác	-	-	-	-
3. Số dư cuối kỳ	214,517,302,363	1,435,638,824	12,136,600,000	228,089,541,187
II. Giá trị hao mòn				
1. Số đầu năm	5,430,473,048	379,421,612	6,382,058,337	12,191,952,997
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-
-Khấu hao trong năm	(1,299,386,448)	217,074,755	1,316,812,511	234,500,818
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
-Giảm khác				
3. Số dư cuối kỳ	4,131,086,600	596,496,367	7,698,870,848	12,426,453,815
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	209,086,829,315	1,056,217,212	5,379,541,663	215,522,588,190
2. Tại ngày cuối kỳ	210,386,215,763	839,142,457	4,437,729,152	215,663,087,372

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

11. Chi phí trả trước

	<u>30/09/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
a. Ngắn hạn	10,498,165,180	5,266,777,645
Nguyên vật liệu, công cụ xuất dùng	10,498,165,180	5,266,777,645
Chi phí nghiên cứu giống		12,339,663,924
b. Chi phí dài hạn	14,783,081,361	12,339,663,924
Chi phí khác	14,783,081,361	12,339,663,924

12. Lợi thế thương mại

Khoản mục	HSC	QSC	SSC	Cuối kỳ
1. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	26,557,087,281	1,911,006,045	232,759,389,035	261,227,482,361
Tăng trong năm				-
Số dư cuối năm	26,557,087,281	1,911,006,045	232,759,389,035	261,227,482,361
2. Khấu hao				
Số dư đầu năm	13,278,543,641	331,794,358	17,456,954,178	31,067,292,177
Tăng trong năm	1,991,781,546	143,325,453	17,456,954,179	19,592,061,178
Số dư cuối năm	15,270,325,187	475,119,811	34,913,908,357	50,659,353,355
3. Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	13,278,543,640	1,579,211,687	215,302,434,857	230,160,190,184
Tại ngày cuối năm	11,286,762,094	1,435,886,234	197,845,480,678	210,568,129,006

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG
 Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

13. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	85,622,369,836	85,622,369,836	215,745,103,710	215,745,103,710
Nợ dài hạn đến hạn trả	26,705,109,500	26,705,109,500	1,491,054,750	1,491,054,750
Cộng ngắn hạn	112,327,479,336	112,327,479,336	217,236,158,460	217,236,158,460
Vay dài hạn	43,945,400,200	43,945,400,200	59,379,291,950	59,379,291,950
Nợ dài hạn đến hạn trả	(26,705,109,500)	(26,705,109,500)	(1,491,054,750)	(1,491,054,750)
Cộng dài hạn	17,240,290,700	17,240,290,700	57,888,237,200	57,888,237,200

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

14. Phải trả người bán

	30/09/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	66,854,392,287	66,854,392,287	110,387,430,055	110,387,430,055
<i>Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên- Trung Quốc</i>	13,428,968,351	13,428,968,351	41,701,362,241	41,701,362,241
<i>Công ty Giống cây trồng Thịnh Du- Trung Quốc</i>	-	-	10,652,610,112	10,652,610,112
<i>Sichuan Longping High-tech Seed Industry Co.,Ltd</i>	5,202,351,700	5,202,351,700	9,543,663,000	9,543,663,000
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	48,223,072,236	48,223,072,236	48,489,794,702	48,489,794,702
b Phải trả dài hạn				
Cộng	66,854,392,287	66,854,392,287	110,387,430,055	110,387,430,055

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a. Phải nộp**

	Số cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	487,029,361	789,659,575
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7,235,494,557	4,439,373,131
Thuế thu nhập cá nhân	935,269,597	1,711,786,064
Thuế đất	414,542,864	50,000,000
Thuế khác	-	
TỔNG CỘNG	9,072,336,379	6,990,818,770

b. Phải thu

	Số cuối kỳ	Đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ	3,258,762,395	3,540,968,136
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	149,863,709	268,082,943
Cộng	3,408,626,104	3,809,051,079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

16. Chi phí phải trả

	<u>30/09/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
a Chi phí phải trả ngắn hạn	8,846,917,358	5,857,656,472
Trích trước chiết khấu thương mại	6,255,412,651	
Chi phí phải trả khác	2,591,504,707	5,857,656,472
b Phải trả dài hạn	1,127,092,333	1,296,541,095
Phải trả dài hạn khác	1,127,092,333	1,296,541,095
Cộng	<u>9,974,009,691</u>	<u>7,154,197,567</u>

17. Phải trả khác

	<u>30/09/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
Cổ tức phải trả	1,063,374,000	1,610,575,710
KPCĐ	276,954,531	257,250,068
BHXH, BHYT, BHTN	989,061,446	264,542,874
Kinh phí hỗ trợ giống gốc để sản xuất lúa lai	984,550,275	984,550,275
Chi phí phải trả các dự án	824,650,900	2,748,814,790
Chi phí đền bù đất phải trả- Dự án Đồng Văn	2,847,000,000	2,847,000,000
Tạm ứng từ quỹ VBCF	1,416,604,000	1,416,604,000
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	1,358,000,000	992,877,512
Tiền thuê đất	1,620,955,072	
Thù lao HĐQT và BKS	803,317,056	470,421,656
Các khoản phải trả khác	15,582,286,091	8,360,395,989
Cộng	<u>27,766,753,371</u>	<u>19,953,032,874</u>

18. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>30/09/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	71,493,000	69,739,000
Cộng	<u>71,493,000</u>	<u>69,739,000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	6		9
Số dư ngày tại 01/01/2015	152,950,000,000	331,245,527,850		140,933,342,530	119,816,800,045	5,725,594,310	750,671,264,735
Lợi nhuận thuần trong năm					141,629,960,690		141,629,960,690
Phát hành cổ phiếu							-
Mua cổ phiếu quỹ			(20,000,000)				(20,000,000)
Bán cổ phiếu quỹ							-
Phân phối vào các quỹ				61,493,507,231	(61,493,507,231)		-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi					(14,572,295,863)		(14,572,295,863)
Cổ tức 2014					(45,885,000,000)		(45,885,000,000)
Tạm ứng cổ tức 2015					(15,288,378,000)		(15,288,378,000)
Sử dụng các quỹ				(4,712,507,112)			(4,712,507,112)
Thù lao HĐQT và BKS					(680,812,500)		(680,812,500)
Khác					(161,035,017)	191,669,621,546	191,508,586,529
Số dư ngày tại 31/12/2015	152,950,000,000	331,245,527,850	-20,000,000	197,714,342,649	123,365,732,124	197,395,215,856	1,002,650,818,479

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bảng biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2016	152,950,000,000	331,245,527,850	(20,000,000)	197,714,342,649	123,365,732,124	197,395,215,856	1,002,650,818,479
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	107,600,554,641		107,600,554,641
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(20,000,000)	-	-		(20,000,000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	86,300,576,516	(86,300,576,516)		-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(17,385,511,470)		(17,385,511,470)
Cổ tức	-	-	-	-	(30,567,056,000)		(30,567,056,000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(983,193,000)		(983,193,000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(5,106,456,212)	-		(5,106,456,212)
Khác	-	-	-	-	(3)	(1,158,963,637)	(1,158,963,640)
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2016	152,950,000,000	331,245,527,850	(40,000,000)	278,908,462,953	95,729,949,777	196,236,252,219	1,055,030,192,799

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.

	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
- Vốn góp của tập đoàn Pan	114,712,500,000	114,712,500,000
- Vốn góp của cổ đông khác	38,237,500,000	38,237,500,000
Cộng	152,950,000,000	152,950,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2016 (VND)	2015 (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	152,950,000,000	152,950,000,000
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	152,950,000,000	152,950,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành phổ thông	15,295,000	15,295,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng phổ thông	15,295,000	15,295,000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại phổ thông	4,850	
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành phổ thông	15,283,528	15,288,378
- Cổ phiếu quỹ phổ thông	11,472	6,622

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

	Năm 2016	Năm 2015
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên.	30%	30%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/09/2016	01/01/2016
	(VND)	(VND)
Quỹ đầu tư phát triển	278,908,462,953	197,714,342,649
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	278,908,462,953	197,714,342,649

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.

- a. Tài sản nhận giữ hộ : 762.740.055 đồng
b. Hàng hóa nhận giữ hộ (*) : 62.915.000.000 đồng
c. Ngoại tệ :

Ngoại tệ	USD	CNY	LAK
Tại quỹ	10,474	29,393	1,000,000
Tại ngân hàng	35.61	71,620.21	-

- d. Nợ khó đòi đã xử lý là : 2,892,931,475 đồng

(*) Đây là giá trị hàng hóa nhận giữ hộ cho Cục Trồng trọt -Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo các Hợp đồng mua bán và bảo quản hạt giống lúa, ngô cho dự trữ Nhà nước được ký giữa Công ty, Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam, một công ty con của Công ty với Cục Trồng trọt -Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính : VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	979,575,891,540	907,345,643,747
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5,121,528,509	1,603,970,061
Cộng	984,697,420,049	908,949,613,808

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Chiết khấu thương mại	23,986,134,602	29,022,802,562
Giảm giá hàng bán	1,418,751,108	56,740,853,340
Hàng bán bị trả lại	64,312,466,375	1,120,621,950
Cộng	89,717,352,085	86,884,277,852

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Giá vốn của hàng hóa đã bán	583,989,728,655	517,065,311,009
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2,136,995,517)	7,447,425,953
Cộng	581,852,733,138	524,512,736,962

Năm 2016 Công ty thay đổi cách ghi nhận chi phí khấu hao nhà kho, máy móc phục vụ chế biến, đóng gói sản phẩm từ chi phí bán hàng chuyển sang giá thành sản phẩm.

Công ty thực hiện phân loại lại các loại chi phí trên trong năm 2015 theo cách ghi nhận của năm 2016 để phục vụ việc phân tích, so sánh số liệu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,855,755,768	1,253,828,283
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,094,165,500	1,815,211,600
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,632,898,825	612,616,283
Doanh thu hoạt động tài chính khác	612,839,720	81,795,505
Cộng	6,195,659,813	3,763,451,671

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Lãi tiền vay	10,347,719,913	5,438,637,906
Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	15,884,948,396
Lỗ chênh lệch tỷ giá	43,506,028	1,028,611,314
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(848,415,200)	(194,781,800)
Chiết khấu thanh toán	3,722,879,964	
Chi phí hoạt động tài chính khác	692,312,884	3,316,495,144
Cộng	13,958,003,589	25,473,910,960

6. Lợi nhuận khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Thu nhập khác	1,754,821,911	9,747,835,940
Chi phí khác	(374,128,947)	(271,069,721)
Cộng	1,380,692,964	9,476,766,219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
a. Chi phí quản lý	94,477,680,356	85,238,976,122
Chi phí nhân viên	41,663,059,967	36,679,894,094
Các khoản chi phí QLDN khác	33,222,559,211	34,972,828,217
Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	19,592,061,177	13,586,253,811
b. Chi phí bán hàng	78,132,013,422	72,272,057,443
Chi phí nhân viên	19,437,164,568	21,403,912,172
Chi phí vận chuyển	20,143,298,695	15,955,206,984
Chi khấu hao	5,596,442,205	5,463,125,940
Các khoản chi phí bán hàng khác	32,955,107,954	29,449,812,347

Năm 2016 Công ty thay đổi cách ghi nhận chi phí khấu hao nhà kho, máy móc phục vụ chế biến, đóng gói sản phẩm từ chi phí bán hàng chuyển sang giá thành sản phẩm.

Công ty thực hiện phân loại lại các loại chi phí trên trong năm 2015 theo cách ghi nhận của năm 2016 để phục vụ việc phân tích, so sánh số liệu.

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	677,511,460,505	659,951,685,726
Chi phí nhân công	88,989,958,850	105,429,884,292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20,690,247,578	16,049,742,663
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41,171,372,548	43,171,484,333
Chi phí bằng tiền khác	32,699,529,303	11,518,405,427
Cộng	861,062,568,784	836,121,202,441

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	13,022,410,804	18,185,652,003
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay		(673,161,203)
Thuế thu nhập hoãn lại	1,431,289,470	(1,259,795,493)
	14,453,700,275	16,252,695,307

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi các yếu tố suy giảm) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	107,082,433,550	99,381,786,690
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	15,285,953	15,295,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7,005	6,498

